

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1118/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 26 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Quy định mức hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và
hộ chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07/4/2014 về việc cơ cấu biểu giá bán lẻ điện; số 60/2014/QĐ-TTg ngày 30/10/2014 về việc quy định tiêu chí hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện; số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Thông tư số 190/2014/TT-BTC ngày 11/12/2014 của Bộ Tài chính về việc quy định thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội;

Căn cứ Quyết định số 648/QĐ-BCT ngày 20/3/2019 của Bộ Công thương về việc điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân và quy định giá bán điện;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 1893/TTr-STC ngày 04/7/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội theo Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Đối tượng áp dụng: Đối tượng được hỗ trợ tiền điện sử dụng cho mục đích sinh hoạt là một trong những hộ gia đình sau:

a) Hộ nghèo được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo tiêu chí thu nhập quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế nếu có (sau đây gọi là hộ nghèo theo tiêu chí thu nhập).

b) Hộ chính sách xã hội được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo tiêu chí quy định tại Quyết định số 60/2014/QĐ-TTg ngày 30/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế nếu có, không thuộc diện hộ nghèo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều này (sau đây gọi là hộ chính sách xã hội).

Điều 2. Mức hỗ trợ tiền điện hàng tháng cho hộ nghèo theo tiêu chí thu nhập và hộ chính sách xã hội tương đương tiền điện sử dụng 30 kWh tính theo mức giá bán lẻ điện sinh hoạt bậc 1 hiện hành: 55.000 đồng/hộ/tháng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/4/2019.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Chí Hiến

Điều 2. Mức hỗ trợ tiền điện hàng tháng cho hộ nghèo theo tiêu chí thu nhập và hộ chính sách xã hội tương đương tiền điện sử dụng 30 kWh tính theo mức giá bán lẻ điện sinh hoạt bậc 1 hiện hành: 55.000 đồng/hộ/tháng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/4/2019.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Chí Hiến